

Bản án số: 23/2024/DS-PT  
Ngày 30 - 9 - 2024  
V/v Tranh chấp chia tài sản  
chung trong hộ gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Mỹ Lệ.

*Các Thẩm phán:* Ông Lâm Anh Luyện;

Bà Đỗ Thị Kim Quy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 về “*Tranh chấp chia tài sản chung trong hộ gia đình*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐ-PT, ngày 27/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Xuân Bé, sinh năm 1954; Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Toán Thị H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Giấy ủy quyền ngày 23/9/2024*), ông H vắng mặt, chị H1 có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Cụ Nguyễn Thị H2, địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị K, địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; đại diện theo ủy quyền: Chị Toán Thị H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã P,

thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Giấy ủy quyền ngày 23/9/2024*), bà K vắng mặt, chị H1 có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị L, Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn K, cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn D, địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

5. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm; đại diện theo ủy quyền: Chị Toán Thị H1, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Giấy ủy quyền ngày 23/9/2024*), có mặt.

6. Chị Toán Thị H1, địa chỉ: Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hà Giang, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

*Người kháng cáo: Nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ trình bày: Cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị H2, kết hôn năm 1963 và sinh được 6 người con gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn D. Khi các con của hai cụ trưởng thành đều đi xây dựng gia đình và ra ở riêng. Còn ông Nguyễn Văn H là con thứ hai nhưng lại là con trai trưởng trong gia đình, nên ông H ở lại nhà, đến tháng 11/1983 ông H kết hôn với bà Nguyễn Thị K và ở chung với vợ chồng hai cụ từ đó đến nay.

Quá trình vợ chồng hai cụ chung sống cùng ông H và gia đình đã xây dựng được khối tài sản như sau:

Thứ nhất: 01 diện tích đất ở (đất thổ cư) tại Thôn H, xã P, thành phố H, diện tích đất này có nguồn gốc là do cụ Nguyễn Văn T (bố đẻ cụ Đ) để lại cho cụ. Đến năm 1979, vợ chồng cụ đã dựng ngôi nhà sàn 5 gian 2 trái trên khu đất này (diện tích đất là bao nhiêu m<sup>2</sup> cụ không xác định được), nhưng chiều ngang khoảng 30m, chiều sâu khoảng 20m, trên đất có ao và vườn xung quanh. Vợ chồng cụ và 6 người con đều sinh sống tại đây cho đến khi trưởng thành và lập gia đình riêng.

Thứ hai: Các thửa đất ruộng ở khu Nhà Héo, Nhà Vong, Nhà Xạ, Nhà Sảng, Đờ Rum...ở Thôn H, xã P, thành phố H cũng có nguồn gốc là do cụ Tân để lại.

Thứ ba: Khu diện tích đất ruộng và đất đồi tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên hiện nay gia đình ông H đang sử dụng, có nguồn gốc vào khoảng năm 1954 hoặc 1956, khi đó cụ T làm trưởng thôn, có nghe cụ S ở Phong Quang nói là ai chưa có đất thì vào đó để làm, nên cụ T cùng cụ T1, cụ N, cụ S (đều đã chết) cùng vào khu đất ở Phong Quang để khai thác đất và trồng cây hoa màu, diện tích đất ruộng cấy được khoảng 300 bó mạ. Khi đó cụ khoảng 14 hoặc 15 tuổi, có đi vào trong khu đất tại Phong Quang để làm ruộng và còn khai phá thêm cả khu đất đồi để trồng sắn.

Theo phong tục của địa phương, khi con trai cả trưởng thành bố mẹ già thường giao cho con trưởng đảm nhiệm mọi việc trong gia đình, bao gồm cả việc

đứng tên hộ gia đình để tham gia việc họp hành của thôn, kê khai các thủ tục pháp lý liên quan đến hộ gia đình. Do vậy, năm 1993, khi Nhà nước làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân, vợ chồng cụ đã giao cho ông H đi kê khai toàn bộ diện tích đất của vợ chồng cụ quản lý, sử dụng với thôn và để cho ông H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chính vì vậy, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn H.

Trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng cụ đã chia cho các con trước khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H như sau: Bà L, bà D là con gái đi lấy chồng nên không được chia; ông P được chia đất ruộng ở Nà Nung cấy được khoảng 80 bó mạ, ở Nà Hẻo cấy được khoảng 25 bó mạ, ở Nà Cháp cấy được khoảng 25 bó mạ, ở Nà Đâu cấy được khoảng 10 bó mạ và khu đất đồi Cọ sau nhà. Ông K được chia đất ruộng ở Nà Xạ cấy được khoảng 20 bó mạ, ở Nà Phây cấy được khoảng 10 bó mạ, ở Nà Linh cấy được khoảng 8 bó mạ và diện tích đất đồi Cọ sau nhà cùng với ông Phấn. Ông D được chia diện tích đất đồi sau nhà, không được chia đất ruộng vì ông D đã lấy vợ và đi ở rể ở nhà vợ.

Năm 1990, cụ có dựng một lán để ở, trên phần diện tích đất của Thủy điện 302 để chăn nuôi và hàng ngày cụ vẫn về nhà ở cùng cụ H và vợ chồng ông H. Đến năm 2018, vợ chồng cụ có xảy ra mâu thuẫn với vợ chồng ông H và con trai của ông H là anh H, nên hai cụ đã chuyển đến ở với ông D và ở lán trên diện tích đất thủy điện 302 từ đó đến nay.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, cụ Đ đã làm đơn đề nghị UBND xã P, thành phố H giải quyết phân chia tài sản chung của hai cụ và vợ chồng ông H vào ngày 30/7/2018, khi đó cụ đã nhất trí giao quyền quản lý, sử dụng đất và nhà cho ông H còn ông H chia cho cụ một số tài sản theo nội dung biên bản hòa giải đã làm việc tại UBND xã P. Nay cụ vẫn muốn được chia một phần giá trị quyền sử dụng đất thổ cư và giá trị nhà sàn tại Thôn H, xã P, thành phố H nhưng không thỏa thuận được với ông H, nên cụ Đ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H phải chia tài sản cho cụ, cụ thể:

1. Ngôi nhà sàn 5 gian 2 trái mà cụ đã làm từ năm 1979, đến năm 2005 đã dỡ ra sửa chữa cải tạo lại. Cụ Đ xác nhận năm 2005, vợ chồng ông H có đóng góp công sức sửa nhà sàn và làm mới một số cột hiên nhà, công lao động. Đến năm 2021, ông H lát lại toàn bộ ván sàn của ngôi nhà. Cụ Đ đề nghị được sử dụng bằng hiện vật là phần diện tích đất trên đó có 03 gian nhà sàn 01 trái. Còn phần diện tích đất có phần diện tích nhà sàn 02 gian 01 trái trên diện tích đất phân có ao cá để cho vợ chồng ông H sử dụng.

2. Diện tích các thửa đất trồng cây lâu năm tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, cụ Đ đề nghị được sử dụng diện tích các thửa đất số 129, 130, 131, 132, tờ bản đồ 88 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H.

3. Đối với các diện tích đất ruộng ở Thôn H, xã P tại khu đất ruộng ở khu Nà Hẻo, Nà Phia...cụ Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án phía Bị đơn, ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H xác nhận toàn bộ diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp ở Thôn H, xã P, thành phố H ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 835378 ngày 23/7/1993, đất có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn T (là ông

nội) để lại. Bố mẹ ông và anh chị em nhà ông đều được sinh ra, lớn lên, sinh sống tại nhà đất nêu trên. Đến năm 1979 cụ Đ đã dựng lại ngôi nhà sàn 05 gian 02 trái trên nền đất và nhà sàn cũ của cụ Tân. Các thành viên trong gia đình đều ở cùng cho đến khi các anh chị em đi xây dựng gia đình và đi ở riêng, còn ông lấy vợ và ở chung với cụ Đ và cụ H. Đến năm 1993 ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 835378 ngày 23/7/1993 do UBND huyện Vị Xuyên cấp mang tên ông Nguyễn Văn H, được quyền sử dụng 7.065m<sup>2</sup> đất, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư, còn lại là đất vườn tạp và đất lúa, địa chỉ tại Thôn H, xã P, thành phố H. Cụ Đ và cụ H vẫn ở cùng vợ chồng ông cho đến năm 2018, giữa ông với cụ Đ xảy ra mâu thuẫn nên cụ Đ và cụ H đến ở với ông D.

Quá trình sử dụng nhà sàn và đất: Năm 2005, cụ Đ đã cùng với vợ chồng ông dỡ toàn bộ ngôi nhà sàn cũ của cụ Đ dựng năm 1979 để sửa chữa, cải tạo, dựng lại ngôi nhà, cụ thể: Bào lại các cột cũ, bổ sung thêm xà, cột mới, lợp lại mái nhà và dựng lại ngôi nhà 5 gian 2 trái vẫn trên diện tích đất cũ của gia đình. Khi dựng và sửa chữa nhà, vợ chồng ông có đóng góp công lao động, một số cây gỗ để làm cột, xà, đổ khoảng 480m<sup>3</sup> đất vào nền nhà với giá trị khoảng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền đất, đổ bê tông găm sàn vào năm 2006. Đến năm 2021, hai vợ chồng ông và vợ chồng con trai ông là anh Nguyễn Văn H3, chị Toán Thị H1 cùng bỏ tiền ra để cải tạo lại ngôi nhà sàn 5 gian 02 trái, cụ thể: Bưng vách xung quanh, lát lại toàn bộ mặt sàn, sơn cột nhà và xây thêm 01 nhà cấp 4 lợp lá cọ, xây bờ kè ao, đổ sàn, dựng nhà mái tôn lạnh, công trình phụ trên mặt ao để kinh doanh nhà hàng ăn uống, trang trí hệ thống đèn, xây tường bao, cổng làm khu du lịch sinh thái. Những phần sửa chữa, cải tạo và xây dựng mới vào năm 2021, cụ Đ và cụ H không tham gia vì hai cụ đã đi ở với ông D từ năm 2018.

Quan điểm của ông H: Ông xác nhận toàn bộ diện tích đất ở, có ngôi nhà sàn 5 gian 2 trái hiện nay ở Thôn H, xã P, thành phố H có nguồn gốc đất là của cụ T để lại. Quá trình sử dụng đất, ông là người đi làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông vào năm 1993, ông sử dụng đến nay không có tranh chấp gì. Ông không nhất trí chia diện tích đất ở và chia ngôi nhà sàn theo như ý kiến của cụ Đ, lý do là trong quá trình chung sống trên diện tích đất này ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông từ năm 1993 và vợ chồng ông cùng các con đã đóng góp nhiều công sức, tiền đẻ tôn tạo, xây dựng mới nên khu nhà, đất như bây giờ. Mặt khác vào ngày 30/7/2018, cụ Đ, cụ H và vợ chồng ông đã thỏa thuận phân chia tài sản chung tại UBND xã P, thành phố H. Theo sự thỏa thuận giữa cụ Đ, cụ H và vợ chồng ông thì cụ Đ đã giao toàn bộ quyền quản lý, sử dụng đất ở, nhà ở tại Thôn H, xã P, thành phố H cho ông được quyền quản lý, sử dụng và ông đã phải bàn giao số tài sản theo thỏa thuận mà cụ Đ, cụ H được hưởng là 50kg cá Bống (còn sống); 01 con trâu cái 4 tuổi; 01 máy xát (còn sử dụng được); 01 cái ao khoảng 200m<sup>2</sup>. Nội dung thỏa thuận này đã được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành của UBND xã P và việc bàn giao tài sản cho cụ Đ cụ H đã được thực hiện xong theo biên bản bàn giao tài sản ngày 01/8/2018. Do đó, ông H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ Đ về việc chia tài sản chung, ông H có ý kiến mong muốn cụ Đ, cụ H quay về ở cùng nhà với vợ chồng ông và các con cháu, để ông và các con cháu có trách nhiệm phụng dưỡng 2 cụ.

Đối với số diện tích đất nông nghiệp tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, cụ Đ cho rằng nguồn gốc của diện tích đất do cụ T để lại là không đúng. Ông H khẳng định toàn bộ diện tích đất ruộng và đất đồi ở thôn Lùng Càng, xã Phong Quang là do Hợp tác xã giao cho vợ chồng ông khoảng năm 1987. Trong quá trình sử dụng đất, ông đã chia cho ông K ½ diện tích đất ruộng. Đến năm 2015, gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Quan điểm của ông H không đồng ý chia cho cụ Đ 4 thửa đất số 129, 130, 131, 132, tờ bản đồ số 88 theo yêu cầu khởi kiện của cụ Đ.

Đối với phần diện tích đất nông nghiệp khác tại Thôn H, xã P, thành phố H, cụ Đ không đề nghị giải quyết, nên ông H không có ý kiến gì.

- *Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Lời khai của cụ Nguyễn Thị H2: Cụ H xác nhận cụ và cụ Đ kết hôn năm 1963 và sinh được 6 người con, quá trình vợ chồng chung sống cùng các con và xác lập được khối tài sản như cụ Đ khai là đúng. Do ông H và anh Hạnh có hành vi không đúng với vợ chồng cụ, nên cụ nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ Đ. Nếu ông H không muốn chia nhà, đất bằng hiện vật thì phải trả tiền cho vợ chồng cụ, số tiền cụ thể do cụ Đ đề nghị và do Tòa án quyết định.

+ Lời khai của bà Nguyễn Thị K: Bà K xác nhận lời khai của ông H là đúng, đồng ý với ý kiến của ông H, không có bổ sung gì thêm.

+ Lời khai của ông Nguyễn Văn K: Ông K xác nhận về nguồn gốc diện tích đất ở và ngôi nhà sàn hiện đang có tranh chấp giữa cụ Đ với ông H ở Thôn H, xã P, thành phố H là do cụ T là để lại là đúng. Đến năm 1979, bố mẹ ông đã dựng ngôi nhà sàn 05 gian 02 trái trên khu đất này, trên đất có ao và vườn xung quanh. Cả gia đình bố mẹ và các anh chị em ông đều sinh sống tại đây cho đến khi trưởng thành và lập gia đình riêng. Đối với khu đất nông nghiệp tại Phong Quang có nguồn gốc là của bố mẹ ông khai phá và trồng cây từ trước. Theo phong tục của địa phương, khi con trai cả trưởng thành, thì ở cùng bố mẹ và được sử dụng tài sản của bố mẹ. Còn các con trai thứ đều phải tự làm và khai phá đất đai, lấy gỗ về làm nhà ở riêng. Tuy ông H được sử dụng đất đai, nhà cửa của bố mẹ, nhưng ông H và vợ cùng các con cũng có công sức tôn tạo, xây dựng khu đất và tài sản trên đất như hiện nay. Khi ông và các anh em khác làm nhà riêng, gia đình ông H cũng giúp đỡ một phần. Ông K xác nhận những tài sản của bố mẹ ông, các cụ đã tự chia và mang đi theo khi lên ở cùng ông D (*Theo biên bản chia của xã P*). Nay cụ Đ đề nghị chia tài sản là do mâu thuẫn với ông H và cháu Hạnh về việc đối xử với ông bà không tốt. Ông K đề nghị Tòa án hòa giải động viên, để bố mẹ ông và ông H trở về chung sống hòa thuận như trước. Ông K không đề nghị Tòa án giải quyết về quyền lợi của ông trong số tài sản đang tranh chấp giữa cụ Đ với ông H.

+ Lời khai của ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L: Bà D và bà L, ông P đều xác nhận về nguồn gốc đất như Ông K trình bày là đúng. Quan điểm của ông P và bà D, bà L không đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi của các ông, bà trong vụ án.

+ Lời khai của ông Nguyễn Văn D: Ông D xác nhận nguồn gốc diện tích đất và quá trình sử dụng đất như cụ Đ trình bày là đúng. Ông D không có đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi của ông trong vụ án này.

+ Anh H3 và chị H1: Cùng xác nhận nguồn gốc diện tích đất và quá trình sử dụng đất như ông H trình bày là đúng. Quá trình sinh sống và sử dụng nhà đất vợ chồng anh chị có nhiều đóng góp xây dựng, tôn tạo sửa chữa các tài sản có trên đất cùng ông H để được như bây giờ. Gia đình ông H, bà K đã chia tài sản cho cụ Đ và cụ H theo như yêu cầu của các cụ khi hai cụ đi đến ở cùng ông D từ năm 2018. Quan điểm của anh H3 và chị H1: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ Đ và mong muốn hai cụ về ở cùng gia đình ông H để cho các con cháu chăm sóc, phụng dưỡng.

\* Theo Biên bản thẩm định tại chỗ, vẽ sơ đồ diện tích đất tranh chấp ngày 25/7/2022 đã xác định:

1. Diện tích đất tại Thôn H, xã P, thành phố H: Xác định theo hiện trạng theo các mốc giới do ông Nguyễn Văn H tự xác định gồm các điểm từ H1 đến H34 khép về H1; Cụ Nguyễn Văn Đ xác định các mốc giới gồm các điểm được ký hiệu từ Đ1 đến Đ34 khép về Đ1. Ông H và cụ Đ cùng xác định các điểm trùng nhau cả 34 điểm (có sơ đồ kèm theo).

2. Tài sản có trên đất gồm:

- 01 nhà sàn làm bằng gỗ, chiều rộng 10,9m x chiều dài 15,2m = 165,7m<sup>2</sup> (nhà sàn 5 gian 2 trái gồm 48 cột các loại, lát sàn bằng ván gỗ, xây dựng năm 1979; dựng lại năm 2005; cải tạo, sửa chữa cuối năm 2018). Trong đó: Cụ Đ xác định (1) 17 cây cột cái các loại; (2) 16 cây cột bên cầu thang; (3) 15 cây cột phía sau; (4) 08 xà ngang; (5) 04 xà dọc; (6) 08 xà con; (7) 08 đòn mái; (8) 07 xà quai giang. Tổng số lượng gỗ = 8,71m<sup>3</sup>. Trong đó cụ Đ xác định 17 cây cột cái + 08 xà ngang + 04 xà dọc + 08 xà con + 07 đòn mái + 07 xà = 5,982m<sup>3</sup>. Ông H xác định: 09 cột cái các loại + 16 cột bên cầu thang + 15 cột phía sau + 08 xà ngang + 04 xà dọc + 08 xà con + 07 đòn mái + 07 xà quai giang = 7,324m<sup>3</sup>. Cụ Đ và ông H xác định có 08 cột cái bằng gỗ tạp có khối lượng 0,847m<sup>3</sup>.

- 01 nhà sàn cột dầm bê tông cốt thép xây dựng năm 2015; khu nhà sàn bê tông dựng năm 2021, diện tích 91m<sup>2</sup>; khu vệ sinh diện tích 9,9m<sup>2</sup>; 01 khu lều quán phục vụ ăn uống diện tích 50m<sup>2</sup>, kết cấu xà gồ, vì kèo thép, mái lợp cọ, xây dựng năm 2021; vách gỗ tre; 01 khu lều quán phục vụ ăn uống có nền khung thép xây dựng năm 2018, diện tích 43,5m<sup>2</sup>; 01 khu bếp bán mái, xây dựng năm 2017, diện tích 18,7m<sup>2</sup>; 01 khu gác lửng, xây dựng năm 2018, diện tích 26,13m<sup>2</sup>; 01 khu rửa bán mái, diện tích 18,72m<sup>2</sup>, xây dựng năm 2015; 01 ao có diện tích 100m<sup>2</sup>; Cây trồng trên đất: 04 cây chuối; 01 cây mít; 03 cây xoài; 02 cây đu đủ (Kèm theo biên bản thẩm định chi tiết và sơ đồ hiện trạng tài sản trên đất).

\* Theo biên bản định giá ngày 19/12/2023 xác định giá trị diện tích đất tại Thôn H, xã P, thành phố H (theo biên bản thẩm định ngày 25/7/2022) có giá trị là 1.116.056.000đ (Một tỉ một trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng), giá trị tài sản trên đất là 245.239.855đ (Hai trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn tám trăm năm mươi nhăm đồng), giá trị cây trồng trên đất 2.170.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản 1.363.519.855đ (Một tỉ ba trăm sáu mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn tám trăm năm mươi nhăm đồng).

\* Theo Biên bản thẩm định tại chỗ, vẽ sơ đồ diện tích đất tranh chấp ngày 25/7/2023 đối với diện tích các thửa đất nông nghiệp có tranh chấp tại thôn Lùng

Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà đã xác định: Các điểm chỉ dẫn diện tích đất theo hiện trạng do cụ Nguyễn Văn Đ xác định gồm các điểm ký hiệu từ Đ1 đến Đ79 khép về Đ1; các điểm do ông Nguyễn Văn H xác định gồm các điểm ký hiệu từ H1 đến H5 khép về H1 (các đương sự xác định có 05 điểm trùng khớp). Trong đó có các thửa đất số 129, tờ bản đồ 88, diện tích đất 188,8m<sup>2</sup> loại đất nông nghiệp, đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430467 ngày 31/11/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K và các thửa đất số 130, tờ bản đồ 88, diện tích đất 69,7m<sup>2</sup> loại đất nông nghiệp; thửa đất số 131, tờ bản đồ 88, diện tích đất 216,6m<sup>2</sup> loại đất nông nghiệp; thửa đất số 132, tờ bản đồ 88, diện tích đất 190,7m<sup>2</sup> loại đất nông nghiệp, đã được cấp giấy chứng QSDĐ số CD 430468 ngày 31/11/2015 hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K (có sơ đồ kèm theo).

\* Theo biên bản định giá ngày 25/7/2023 đã xác định giá trị các thửa đất nông nghiệp có tranh chấp gồm 129, 130, 131, 132 theo giấy chứng nhận QSDĐ đã được cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang có tổng diện tích 665,8m<sup>2</sup>, có giá trị 33.955.800đ (*Ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm đồng*).

\* Theo biên bản xác minh với Văn phòng ĐKDD huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang đã xác định: Các thửa đất số 129, tờ bản đồ 88 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430467 ngày 31/11/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K (hiện nay đổi thành thửa số 181), diện tích không thay đổi. Các thửa đất số 130, 131 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430468 ngày 31/11/2015 hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K (hiện nay đổi thành số thửa số 174 có diện tích còn lại sau khi bị thu hồi là 68,8 + 202,5 m<sup>2</sup>). Thửa đất số 132 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430468 ngày 31/11/2015 hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K (hiện nay đổi thành số thửa số 178) có diện tích còn lại sau khi bị thu hồi là 140,2 m<sup>2</sup>.

- Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, cụ Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Cụ không lấy tài sản bằng hiện vật mà cụ Đ đề nghị ông H phải trả cho cụ giá trị tài sản nhà và đất bằng tiền. Cụ thể, cụ Đ đề nghị ông H phải trả cho cụ số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Đối với yêu cầu giải quyết 04 thửa đất nông nghiệp số 129, 130, 131, 132 tờ bản đồ 88 tại Thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, cụ Đ rút một phần yêu cầu về việc đòi thửa đất số 129, đề nghị Tòa án giải quyết cho cụ được hưởng toàn bộ diện tích của 03 thửa đất 130, 131, 132 tờ bản đồ 88 tại Thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang và cụ yêu cầu được sử dụng đất để canh tác.

- Bị đơn ông H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của cụ Đ.

Tại Bản án số 15/2024/DS-ST ngày 25-7-2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 157, 158, 163, 164, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 101, 102, 106, 115, 158, 161, 190, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 179 Luật Đất đai; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn Đ về việc Chia tài sản chung trong hộ gia đình, xử: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chia cho cụ Nguyễn Văn Đ quyền sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ 88 (nay đổi thành số thửa 178) có diện tích là 140,2m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại thôn Lũng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 430468 ngày 31/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị K (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn Đ về việc được chia một phần giá trị diện tích đất thổ cư, thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 01 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/1993 mang tên ông Nguyễn Văn H và một phần giá trị ngôi nhà sàn 05 gian 02 trái có trên diện tích đất thổ cư tại Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang (Quán Tày Ha Ha) bằng tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn Đ về việc được chia quyền sử dụng diện tích các thửa đất số 130, 131, tờ bản đồ 88 (hiện nay đổi thành số thửa số 174) có diện tích còn lại sau khi bị thu hồi là 68,8 + 202,5 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm; địa chỉ thửa đất tại thôn Lũng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430468 ngày 31/11/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K.

3. Đình chỉ giải quyết đối với nội dung khởi kiện của Cụ Nguyễn Văn Đ về việc giải quyết thửa đất số 129, tờ bản đồ 88 (hiện nay đổi thành thửa số 181), địa chỉ thửa đất tại thôn Lũng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430467 ngày 31/11/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2024, nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo không nhất trí một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm cho cụ Đ được sử dụng 02 thửa đất nông nghiệp số 130, 131 (nay là thửa 174) ở thôn Lũng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang và buộc ông H phải trả cho cụ số tiền chia tài sản là 300.000.000đ.

Tại phiên toà sau phần tranh luận, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Toán Thị H1 trình bày, bị đơn giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện, không nhất trí với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang. Lý do là vì phần giá trị tài sản chung ông H đã chia cho cụ Đ theo thoả thuận từ năm 2018 và đã thực hiện xong, ông H vẫn đề nghị cụ Đ, cụ H quay về sống cùng ông H để các con cháu chăm sóc, phụng dưỡng vì các cụ tuổi đều đã cao, cả hai cụ đã ngoài 80 tuổi không còn sức lao động.



Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký toà án đã thực hiện đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Kháng cáo của cụ Đ là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và theo đúng trình tự quy định tại các Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông H, bà K đã uỷ quyền tham gia tố tụng cho chị H1; vắng mặt cụ H, bà L, bà D, ông P, Ông K không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của các đương sự trên không làm ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm vụ án, do đó HĐXX tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ về việc không nhất trí với một phần quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Đối với yêu cầu được chia một phần giá trị diện tích đất ở và ngôi nhà sàn 05 gian, 02 trái có trên đất tại Thôn H, xã P, thành phố H; cụ Đ đề nghị được lấy giá trị tài sản bằng tiền tương ứng số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ: Đơn xin giải quyết chia tài sản của cụ Đ ngày 22/7/2018; Kết quả giải quyết yêu cầu của cụ Đ ngày 30/7/2018; Thông báo số 24/TB-UBND ngày 01/8/2018 của UBND xã P, thành phố H Kết luận về việc hoà giải thành việc chia tài sản của ông Nguyễn Văn Đ; tại mục 2, phần V kết luận: “...2. còn về tài sản: sau khi bàn bạc toàn thể gia đình, ông bà nhất trí giao quyền sử dụng đất ở, nhà ở cho con trai là ông H (tại vị trí nhà mà hiện nay ông H đang sinh sống). Còn về phía ông H chia cho ông bà: 50kg cá Bống, 01 con trâu cái 04 tuổi, 01 máy xát, 01 cái ao gần nhà ông Phấn khoảng 200m<sup>2</sup> (10 bó mạ). Toàn bộ phần tài sản trên thống nhất chia và nhận vào ngày 01/8/2018. UBND xã giao cho UBMTTQ, cán bộ Tư pháp xã và ban phát triển Thôn H chứng kiến việc giao nhận”. Cũng theo biên bản giao nhận tài sản ngày 01/8/2018 ông H đã tiến hành bàn giao xong các tài sản cho cụ Đ. Việc thỏa thuận giữa cụ Đ và ông H về việc phân chia tài sản của cụ Đ đã được UBND xã P xác nhận, đóng dấu. Cụ Đ và ông H đã thực hiện xong nội dung thỏa thuận về

việc chia tài sản từ năm 2018 và không có ý kiến gì. Theo các biên bản xác minh ngày 15/7/2024 tại UBND xã P, thành phố H với những người tham gia tại buổi hòa giải ngày 30/7/2018 đều xác nhận nội dung tại buổi hòa giải phân chia tài sản chung của hộ gia đình ông H, đã xác định ngôi nhà sàn khi đó có trị giá 120 triệu và diện tích đất có nhà sàn (nay là quán Tày Ha Ha) cụ Đ đã nhất trí giao cho ông H sử dụng, còn ông H giao cho cụ Đ các tài sản như nội dung biên bản ngày 30/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định. Theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Đất đai quy định về căn cứ xác định về việc sử dụng đất ổn định đó là biên bản hòa giải tranh chấp đất đai có chữ ký của các bên và xác nhận của Đại diện UBND cấp xã. Như vậy, nội dung thỏa thuận phân chia tài sản ngày 30/7/2018 của UBND xã P trong đó có việc giao đất ở cho ông H là đúng quy định và có hiệu lực thi hành. Theo biên bản giao nhận tài sản ngày 01/8/2018 ông H và cụ Đ đã tiến hành bàn giao xong các tài sản cho cụ Đ. Do đó yêu cầu kháng cáo của cụ Đ là không có căn cứ để xem xét.

[5] Về yêu cầu được chia một phần giá trị diện tích đất ở tại Thôn H, xã P, thành phố H, xét thấy: Diện tích đất ở tại Thôn H, xã P, thành phố H mặc dù có nguồn gốc của cụ Tân (bố đẻ cụ Đ) để lại, nhưng đến năm 1993 ông H đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Nguyễn Văn H. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1993 đến nay, không có tranh chấp hay khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Vì vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 835378 ngày 23/7/1993 do UBND huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang cấp mang tên ông Nguyễn Văn H có tổng diện tích là 7.065m<sup>2</sup> đất, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư, còn lại là đất vườn tạp và đất lúa thuộc quyền sử dụng của ông H, không phải là cấp cho hộ gia đình. Tuy nhiên trong tổng số diện tích đất theo giấy chứng nhận QSDĐ này bị đơn khai đã chia cho cụ Đ được sử dụng khoảng hơn 1.000m<sup>2</sup> đất ruộng (tương đương với hơn 50 bó mạ); khoảng 400m<sup>2</sup> đất ao cá và 600m<sup>2</sup> đất vườn rừng. Tại phiên tòa cụ Đ xác nhận nội dung trên là đúng. Vì vậy, việc cụ Đ khởi kiện yêu cầu được chia một phần giá trị diện tích đất thổ cư tại Thôn H, xã P, thành phố H không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo của cụ Đ về việc chia thêm diện tích các thửa đất nông nghiệp số 130,131 tờ bản đồ 88 tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CĐ 430468 ngày 31/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị K vào năm 2015. Theo biên bản hòa giải về việc chia tài sản ngày 30/7/2018 của UBND xã P, TP Hà Giang, tại mục 3. V phân kết luận: “...*đối với ruộng lúa: Giao cho ban phát triển thôn chia theo bó mạ (định suất) ... còn đất đồi cọ, các thành viên gia đình thống nhất không chia sử dụng chung khi có việc*”. Theo nội dung xác minh tại Thôn H, xác nhận Ban phát triển Thôn H cùng ông H, cụ Đ đã chia đất ruộng lúa cho cụ Đ ở khu Nà Héo, Thôn H, xã P, TP Hà Giang, khu ruộng cây được 53,5 bó mạ (1 bó mạ bằng 22,2m<sup>2</sup>), tương đương với diện tích 1.187m<sup>2</sup>. Như vậy, có căn cứ xác định số diện tích các thửa đất trồng cây hằng năm khác của hộ ông Nguyễn Văn H được cấp tại địa chỉ: Thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang chưa được chia do đó, việc cụ Đ đề nghị chia một phần diện tích đất trồng cây hằng năm khác là có căn cứ. Theo xác nhận

về hộ khẩu của gia đình ông Nguyễn Văn H hiện đang có 10 nhân khẩu. Căn cứ vào hiện trạng diện tích đất trồng cây lâu năm khác của các thửa đất hiện có. Xét thấy, việc cụ Đ đề nghị được chia quyền sử dụng 03 thửa đất gồm các thửa 130, 131, 132, tờ bản đồ 88 (hiện các thửa 130, 131 đổi thành số thửa 174 có diện tích là 271,5m<sup>2</sup> và thửa số 132 đổi thành số thửa 178 có diện tích là 140,2m<sup>2</sup>) có tổng diện tích là 411,7m<sup>2</sup> là chưa phù hợp với số lượng nhân khẩu có trong hộ gia đình. Mặt khác, cụ Đ và cụ H đều đã trên 80 tuổi, không còn khả năng lao động nên việc sử dụng đất nông nghiệp trên thực tế cũng bị hạn chế. Để phát huy được tính năng của đất nông nghiệp và phù hợp với số diện tích đất trồng cây lâu năm và số nhân khẩu hiện có của hộ ông H. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của cụ Đ, buộc ông H phải chia cho cụ Đ được sử dụng diện tích thửa đất số 132 tờ bản đồ số 88 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430468 ngày 31/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị K (nay đổi thành số thửa 178) có diện tích là 140,2m<sup>2</sup> (có giá trị là 7,150,200đ), địa chỉ thửa đất tại thôn Lũng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang là phù hợp.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm cụ Nguyễn Văn Đ đã rút yêu cầu đòi với việc chia thửa đất số 129 tờ bản đồ 88, tại thôn Lũng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430467 cho hộ ông Nguyễn Văn H (nay là thửa đất số 181). Do vậy, Hội đồng xét xử đã đình chỉ việc giải quyết đòi với nội dung khởi kiện này của cụ Đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm cụ Đ giữ nguyên kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Do đó không chấp nhận kháng cáo của cụ Đ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Đòi với quan điểm của Viện kiểm sát có quan điểm phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[10] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[11] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho cụ Đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 157, 158, 163, 164, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 106, 101, 102, 106, 115, 158, 161, 190, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3, Điều 166, Điều 179 Luật Đất đai; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Đ; Giữ nguyên bản án số 15/2024/DS-ST ngày 25-7-2024 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn Đ về việc Chia tài sản chung trong hộ gia đình.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải chia cho cụ Nguyễn Văn Đ quyền sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ 88 (*nay đổi thành số thửa 178*) có diện tích là 140,2m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 430468 ngày 31/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị K (*có sơ đồ kèm theo*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn Đ về việc được chia một phần giá trị diện tích đất thổ cư, thửa đất số 1115 tờ bản đồ số 01 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/7/1993 mang tên ông Nguyễn Văn H và một phần giá trị ngôi nhà sàn 05 gian 02 trái có trên diện tích đất thổ cư tại Thôn H, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Quán Tày Ha Ha*) bằng tiền là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*).

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn Đ về việc được chia quyền sử dụng diện tích các thửa đất số 130, 131, tờ bản đồ 88 (*hiện nay đổi thành số thửa số 174*) có diện tích còn lại sau khi bị thu hồi là 68,8 + 202,5 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm; địa chỉ thửa đất tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CD 430468 ngày 31/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Cụ Nguyễn Văn Đ về việc giải quyết thửa đất số 129, tờ bản đồ 88 (*hiện nay đổi thành thửa số 181*), địa chỉ thửa đất tại thôn Lùng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CD 430467 ngày 31/12/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị K.

4. Về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá tài sản: Cụ Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản (*đã thi hành xong*).

5. Về án phí: Cụ Nguyễn Văn Đ được miễn án phí sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H phải chịu 357.500đ (*Ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho cụ Nguyễn Văn Đ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.***

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS TP H;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Mỹ Lệ**